

Số: 106/BC-UBND

Thịnh Đán, ngày 08 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách  
phường Phường Thịnh Đán quý 1 năm 2022**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND phường thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường quý 1 năm 2022 như sau:

**1. Thu ngân sách quý 1 năm 2022:**

- Thu NSNN phường Phường Thịnh Đán quý 1/2022 đạt 4.595 triệu đồng/8.915 triệu đồng = 51,6% dự toán.

- Thu NSNN trên địa bàn đạt 5.584 triệu đồng/9.105 triệu đồng = 61,3% dự toán.

- Các khoản thu hưởng điều tiết đạt 546 triệu đồng/8.840 triệu đồng = 51,04% dự toán. Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như: lệ phí trước bạ đạt 167,3% dự toán; lệ phí môn bài đạt 80,9%.

**2. Chi ngân sách quý 1 năm 2022:**

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt 1.284 triệu đồng/5.344 triệu đồng = 24% dự toán.

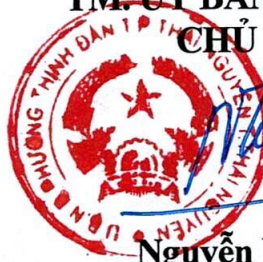
Chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 0 đồng.

Trong quý 1 đầu năm 2022, UBND phường thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - phường hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

**Nơi nhận:**

- Phòng TCKH TPTN;
- TT ĐU, HĐND P;
- Lãnh đạo UBND;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Nam**

**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2022**

Hôm nay, vào hồi 08h00' ngày 08 tháng 4 năm 2022

Tại Hội trường trụ sở UBND Phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên.

UBND Phường Thịnh Đán tiến hành tổ chức niêm yết công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2021 theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

**I. Thành phần lập biên bản, gồm:**

1. Đ/c Nguyễn Văn Nam - Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND
2. Đ/c Ma Thị Lường - Văn phòng thống kê, Thư ký
3. Đ/c Ma Thị Mùi – CB Tài chính kế toán

**II. Nội dung:**

Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

UBND Phường Thịnh Đán thực hiện công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách Quý I năm 2022.

Thời gian niêm yết công khai bắt đầu từ 08h30' ngày 08/4/2022.

Trong quá trình công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2022 tại bảng tin (sảnh trụ sở làm việc), UBND phường sẽ tiếp nhận những nội dung phản ánh, kiến nghị về số liệu dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2022 của các ban ngành đoàn thể, các tổ dân phố.

Biên bản lập xong hồi 08h45' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**Nguyễn Văn Nam**

**KẾ TOÁN NGÂN SÁCH**

**Ma Thị Mùi**

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

**Ma Thị Lường**

Số: 343 /QĐ-UBND

Thịnh Đán , ngày 08 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai thu, chi ngân sách Phường Thịnh Đán  
Quý I năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỊNH ĐÁN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân phường Thịnh Đán về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Ban tài chính, công chức văn phòng - Thống kê UBND Phường Thịnh Đán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai thu, chi ngân sách Phường Thịnh Đán quý 1 năm 2022 (Có biểu chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Công chức văn phòng - Thống kê, Ban tài chính, Kế toán ngân sách, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- MTTQ phường;
- Các ban ngành đoàn thể phường;
- Trụ sở UBND phường;
- Các tổ DP;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Nam**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ**  
**Quý 1 Năm 2022**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>9.105.002.787</b>	<b>5.584.789.010</b>	<b>61,34</b>
1.	Các khoản thu 100%	75.000.000	83.640.000	111,52
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	925.000.000	546.146.223	59,04
3.	Thu chuyển nguồn	3.760.615.787	3.760.615.787	100,00
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.344.387.000	1.194.387.000	27,49
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.344.387.000	1.194.387.000	27,49
	- Bổ sung có mục tiêu			
<b>II.</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>5.344.387.000</b>	<b>1.284.458.060</b>	<b>24,03</b>
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên	5.238.649.000	1.284.458.060	24,5
3.	Dự phòng	105.738.000		-

Ngày 08 tháng 4 năm 2022

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ma Thị Mùi

TM. UBND xã, phường, thị trấn  
Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Nam

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ**  
Quý 1 Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>8.915.000.000</b>	<b>9.105.002.787</b>	<b>4.595.425.326</b>	<b>5.584.789.010</b>	<b>51,55</b>	
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>75.000.000</b>	<b>75.000.000</b>	<b>83.640.000</b>	<b>83.640.000</b>	<b>111,52</b>	
- Phí, lệ phí	65.000.000	65.000.000	8.609.000	8.609.000	13,24	
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu tiền bồi thường từ quỹ đất công ích						
- Thu tiền cho thuê lòng lề đường, bến bãi			12.170.000	12.170.000		
- Thu tiền cho thuê tài sản nhà nước						
- Thu tiền phí hoạt động sự nghiệp						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	62.861.000	62.861.000	628,61	
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>8.840.000.000</b>	<b>925.000.000</b>	<b>4.511.785.326</b>	<b>546.146.223</b>	<b>51,04</b>	
1. Các khoản thu phân chia	1.790.000.000	305.000.000	2.133.625.414	315.377.562	119,20	
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	450.000.000	45.000.000	12.690.224	1.269.023	2,82	
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	140.000.000	140.000.000	113.350.000	113.350.000	80,96	
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.200.000.000	120.000.000	2.007.585.190	200.758.539	167,30	
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	7.050.000.000	620.000.000	2.378.159.912	230.768.661	33,73	
- Thuế TNDN						
- Thuế giá trị gia tăng	1.700.000.000	170.000.000	128.791.776	12.879.181	7,58	
- Thuế TNCN từ đất	4.500.000.000	450.000.000	2.178.894.657	217.889.480	48,42	
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	850.000.000		48.198.187			
- Thuế thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản			20.733.333			
- Tiền thuê đất						
- Thu khác			1.541.959			
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>		<b>3.760.615.787</b>		<b>3.760.615.787</b>		
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>		<b>4.344.387.000</b>		<b>1.194.387.000</b>		
- Bổ sung cân đối ngân sách		4.344.387.000		1.194.387.000		
- Bổ sung có mục tiêu						

Ngày 08 tháng 4 năm 2022

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM. UBND xã, phường, thị trấn  
Chủ tịch

  
Ma Thị Mùi

  
Nguyễn Văn Nam

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**

Quý 1 Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	<b>5.344.387.000</b>		<b>5.344.387.000</b>	<b>1.284.458.060</b>		<b>1.284.458.060</b>	24		24
2. Chi đầu tư phát triển khác									
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	871.422.000		871.422.000	179.304.950		179.304.950	21		21
- Chi dân quân tự vệ	503.711.000		503.711.000	83.219.150		83.219.150	17		17
- Chi trật tự an toàn xã hội	367.711.000		367.711.000	96.085.800		96.085.800	26		26
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	90.000.000		90.000.000				0,0		
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000				0,0		
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.087.884.000		4.087.884.000	1.053.344.960		1.053.344.960	26		26
Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Ủy ban nhân dân	2.145.451.000		2.145.451.000	642.579.231		642.579.231	30		30
10.2. Hội đồng nhân dân	354.170.000		354.170.000	62.167.950		62.167.950	18		18
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	654.167.000		654.167.000	163.575.252		163.575.252	25		25
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	316.004.000		316.004.000	68.614.500		68.614.500	22		22
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	147.720.000		147.720.000	26.773.068		26.773.068	18		18
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	144.680.000		144.680.000	22.541.097		22.541.097	16		16
10.7. Hội Cựu chiến binh	115.000.000		115.000.000	27.669.575		27.669.575	24		24
10.8. Hội Nông dân	144.000.000		144.000.000	22.751.187		22.751.187	16		16
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	24.496.000		24.496.000	6.123.900		6.123.900	25		25
10.10. Hội Người cao tuổi	26.104.000		26.104.000	6.526.200		6.526.200	25		25
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	4.023.000		4.023.000	25		25
11. Chi cho công tác xã hội	70.775.000		70.775.000	32.693.150		32.693.150	46,2		46,2



- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ - Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	50.775.000		50.775.000	12.693.150		12.693.150	25		25
- Chi trợ cấp xã hội, người có công	20.000.000		20.000.000	20.000.000		20.000.000	100		100
12. Chi khác	93.568.000		93.568.000	19.115.000		19.115.000	20,43		20,43
13. Dự phòng	105.738.000		105.738.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 08 tháng 4 năm 2022

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM. UBND xã, phường, thị trấn  
Chủ tịch



Ma Thị Mùi



Nguyễn Văn Nam

